

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN LÊ NA

**HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG
CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
ĐÔNG NAM Á, CHI NHÁNH ĐẮK LẮK**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số:60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VŨ

Phản biện 1: TS. Hồ Hữu Tiến

Phản biện 2: PGS. TS. Hà Thanh Việt

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 3 tháng 11 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hệ thống ngân hàng có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Bởi vì vốn vay ngân hàng là nguồn tài trợ quan trọng cho cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh cũng như doanh nghiệp khi khởi sự cũng như mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Hệ thống ngân hàng thương mại không ngừng mở rộng các dịch vụ để tăng nguồn thu ngoài tín dụng. Tuy nhiên, tín dụng vẫn là hoạt động chủ yếu, mang lại lợi nhuận cao, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu nhập của ngân hàng đồng thời cũng là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro. Cùng thực hiện theo mục tiêu chung trên toàn hàng trở thành ngân hàng bán lẻ tiêu biểu, chi nhánh đã thu hút được một lượng lớn nguồn vốn huy động và thực hiện nhiều hoạt động cho vay với số dư không nhỏ. Trong đó hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất kinh doanh đang chiếm một tỷ trọng khá lớn, và việc hạn chế phòng ngừa rủi ro trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh cũng chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì vậy, việc nâng cao hiệu quả trong hoạt động cho vay của chi nhánh là tìm ra những giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro tín dụng có thể xảy ra đối với đối tượng khách hàng hộ sản xuất kinh doanh thực sự là cần thiết, đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời tránh tổn thất cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Xuất phát từ thực tế trên, tôi đã quyết định chọn đề tài: ***“Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk”*** làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng

và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh của ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk.

***Câu hỏi nghiên cứu**

Luận văn hướng đến trả lời các câu hỏi sau:

- Nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh của NHTM là gì? Xuất phát từ đó, những tiêu chí chủ yếu nào đánh giá kết quả hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh của NHTM?

- Thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk như thế nào? Có những ưu, nhược điểm gì?

- Để hoàn thiện công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh thì Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk cần thực hiện những biện pháp nào?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu những vấn đề lý luận và các vấn đề thực tiễn liên quan đến công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk.

- Phạm vi nghiên cứu: Công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại NH TMCP Đông Nam Á – CN Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu luận văn đã sử dụng phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, tổng hợp để phân tích, đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Đắk Lắk.

***Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Qua nghiên cứu, đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn như sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh của ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk

5. Bố cục đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Đắk Lắk.

Chương 3: Giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Đắk Lắk.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG VÀ HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG

1.1.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

Rủi ro trong kinh doanh ngân hàng là khả năng mà một tiến trình hoặc một sự kiện nào đó gây ra một kết cục không mong đợi lên tình hình tài chính của ngân hàng hoặc cản trở ngân hàng thực hiện các mục tiêu đã định. [2]

Rủi ro tín dụng (credit risk) là loại rủi ro phát sinh do khách nợ không còn khả năng chi trả. Trong hoạt động của công ty rủi ro tín dụng phát sinh khi công ty bán chịu hàng hóa và khách hàng mua chịu thất bại trong việc trả nợ. Trong hoạt động ngân hàng, rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng mất khả năng trả nợ một khoản vay nào đó.

Theo khoản 1, điều 2 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, "*Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng*" (sau đây gọi tắt là "*rủi ro*") là *khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết*".[10].

1.1.2. Phân loại rủi ro tín dụng

Có nhiều cách phân loại rủi ro tín dụng khác nhau tùy theo mục đích, yêu cầu nghiên cứu. Tùy theo tiêu chí phân loại mà người ta chia rủi ro tín dụng thành các loại khác nhau.

❖ Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro, rủi ro tín dụng được phân chia thành các loại sau: Rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục

❖ Căn cứ vào tính chất khách quan, chủ quan của nguyên nhân phân thành: rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan

❖ Căn cứ vào tính chất của rủi ro tín dụng phân thành: Rủi ro đặc thù và rủi ro hệ thống

❖ Căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng: Rủi ro không hoàn trả đúng hạn, Rủi ro không có khả năng trả nợ, Rủi ro tín dụng không giới hạn ở hoạt động cho vay

Ngoài ra còn nhiều hình thức phân loại khác như phân loại căn cứ theo cơ cấu các loại hình rủi ro, theo đối tượng sử dụng vốn vay...

1.1.3. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

a. Ảnh hưởng đối với Ngân hàng

- Rủi ro tín dụng làm giảm lợi nhuận ngân hàng
- Rủi ro tín dụng làm giảm khả năng thanh toán của ngân hàng
- Rủi ro tín dụng làm giảm uy tín của ngân hàng
- Rủi ro tín dụng là nguy cơ dẫn đến phá sản ngân hàng

b. Ảnh hưởng đối với nền kinh tế, xã hội

Ngân hàng là tổ chức trung gian tài chính, là cầu nối giữa người cần vốn và người có vốn nhàn rỗi. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng liên quan đến nhiều thành phần kinh tế từ cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức kinh tế thậm chí các tổ chức tín dụng khác. Một khi ngân hàng gặp rủi ro tín dụng dẫn đến những rủi ro khác hoặc phá sản thì người gửi tiền lo sợ ồ ạt kéo nhau đi rút tiền không chỉ ngân hàng đó mà tạo ra phản ứng rút tiền của khách hàng tại ngân hàng khác, vì vậy không chỉ bản thân ngân hàng phải gánh chịu hậu quả mà nó còn ảnh hưởng xấu đến toàn hệ thống ngân hàng.

Ngân hàng phá sản sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, doanh nghiệp sẽ không có tiền trả lương, mua nguyên vật liệu, giá cả hàng hóa vì vậy sẽ tăng, thất nghiệp

tràn lan, xã hội mất ổn định, nền kinh tế lâm vào suy thoái. Rủi ro tín dụng có thể là bắt nguồn của một cuộc khủng hoảng tài chính ảnh hưởng khu vực và thế giới.

Rủi ro tín dụng của một ngân hàng có thể xảy ra ở nhiều mức độ khác nhau: nhẹ là ngân hàng bị giảm lợi nhuận khi không thu hồi được lãi vay, nặng hơn là khách hàng không thu được cả vốn và lãi, nợ không thu được với tỷ lệ cao dẫn đến ngân hàng bị lỗ và mất vốn. Tình trạng kéo dài sẽ làm cho ngân hàng bị phá sản, gây hậu quả nghiêm trọng cho hệ thống ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Vì vậy, việc hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của ngân hàng sẽ góp phần tạo điều kiện cho việc thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội.

1.2. HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NHTM

1.2.1. Đặc điểm của hoạt động cho vay hộ sản xuất kinh doanh

a. Khái niệm và đặc điểm của hộ sản xuất kinh doanh

**** Khái niệm***

Hộ sản xuất kinh doanh là chủ thể kinh doanh do một cá thể, một nhóm người hoặc hộ gia đình làm chủ (cùng huyết thống hoặc không), cùng thống nhất góp tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh trên nhiều ngành nghề, với qui mô nhỏ và vừa, chịu trách nhiệm toàn bộ bằng tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Theo điều 106 Bộ Luật Dân sự 2005, “*Hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này. Chủ hộ là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của chủ hộ. Chủ hộ*

có quyền ủy quyền cho các thành viên khác đã thành niên làm đại diện của hộ trong quan hệ dân sự. Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các hộ gia đình”.

*** Đặc điểm của hộ sản xuất kinh doanh**

- Hộ sản xuất kinh doanh không có tư cách pháp nhân
- Hộ sản xuất kinh doanh là hình thức sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ, trình độ lao động ở mức thấp
- Chịu trách nhiệm vô hạn trong hoạt động kinh doanh
- Xét trong mối quan hệ giao dịch với ngân hàng hộ sản xuất kinh doanh thường có những đặc điểm sau:

- + Thường không mở tài khoản tại ngân hàng;
- + Hộ sản xuất kinh doanh thường quy mô vay vốn ngân hàng nhỏ

1.2.2. Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh

- Rủi ro tín dụng gắn liền với đặc điểm hoạt động của hộ
- Rủi ro tín dụng có tính chất đa dạng phức tạp

1.2.3. Nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh

Để thực hiện được mục tiêu của hạn chế RRTD, về phương diện lý luận ngân hàng có thể tiến hành các giải pháp theo các định hướng lớn sau :

- Các biện pháp trước khi rủi ro xảy ra, bao gồm :
 - ✓ Tổ chức thực hiện cho vay theo đúng quy trình cho vay
 - ✓ Bảo đảm chất lượng của công tác thẩm định tín dụng
 - ✓ Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.
 - ✓ Tiến hành phân loại nợ và trích lập dự phòng theo đúng quy định
 - ✓ Thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay
 - ✓ Đa dạng hóa hợp lý danh mục cho vay hộ sản xuất kinh doanh

- ✓ Phân tán rủi ro
- Các biện pháp tiến hành sau khi RRTD đã phát sinh:
 - ✓ Tiến hành các biện pháp cơ cấu lại nợ
 - ✓ Tiến hành các biện pháp thanh lý nợ rủi ro
 - ✓ Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý
 - ✓ Khoanh nợ, xóa nợ
 - ✓ Chuyển giao rủi ro thông qua bán nợ.

1.2.4. Các tiêu chí đánh giá kết quả hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh

a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu cho vay hộ sản xuất kinh doanh

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

- Mức giảm tỷ lệ nợ xấu = Tỷ lệ nợ xấu cuối kỳ - Tỷ lệ nợ xấu đầu kỳ

b. Biến động trong cơ cấu nhóm nợ

Khi có sự thay đổi trong cơ cấu các nhóm nợ xấu theo chiều hướng tăng nợ nhóm 3 và giảm nợ nhóm 4,5 thì đây là sự thay đổi các nhóm nợ xấu theo chiều hướng tốt hơn, các khoản nợ chỉ gặp khó khăn tạm thời và có khả năng thu hồi. Có thể đánh giá mức độ rủi ro tín dụng của Ngân hàng giảm, kết quả hạn chế rủi ro tín dụng tốt hơn. Ngược lại, việc thay đổi trong cơ cấu các nhóm nợ xấu tại Ngân hàng theo hướng giảm nợ nhóm 3 và gia tăng nợ nhóm 4,5 thì đây là sự thay đổi theo chiều hướng xấu, các khoản nợ ngày càng khó có khả năng thu hồi, là một biểu hiện của công tác hạn chế rủi ro tín dụng có chiều hướng tiêu cực.

c. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay hộ sản xuất kinh doanh

$$\text{Tỷ lệ trích lập DPRR} = \frac{\text{Số dự phòng phải trích}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Mức giảm tỷ lệ DPRR = Tỷ lệ DPRR cuối kỳ - Tỷ lệ DPRR đầu kỳ

d. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng so với tổng dư nợ

$$\text{Tỷ lệ xóa nợ ròng} = \frac{\text{Giá trị xóa nợ ròng}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng = tỷ lệ xóa nợ cuối kỳ - tỷ lệ xóa nợ đầu kỳ

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh

a. Nhân tố từ phía ngân hàng

- Chính sách tín dụng
- Quy trình tín dụng của ngân hàng
- Nguồn nhân lực thực hiện hoạt động tín dụng
- Cơ cấu tổ chức về bộ phận quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng
- Hệ thống thông tin ngân hàng
- Công nghệ ngân hàng

b. Nhóm nhân tố từ môi trường bên ngoài Ngân hàng

- Nhân tố từ phía khách hàng
- Môi trường kinh tế - xã hội
- Rủi ro do yếu tố pháp lý

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á - CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của NHTMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk

2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh của NHTMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk

a. Tình hình huy động vốn

Bảng 2.1: Tình hình huy động vốn tại chi nhánh qua các năm 2010-2013

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	2010		2011		2012		2013		Chênh lệch		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	2011/2010	2012/2011	2013/2012
									Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
I. Theo đối tượng khách hàng											
KHCN	109	76,76	183	81,3	265	84,94	310	88	67,89	44,81	17
KHDN	33	23,24	42	18,7	47	15,06	42	12	27,27	11,90	-11
Theo kỳ hạn											
Không kỳ hạn	22,5	15,85	24,7	10,98	17,8	5,71	10,4	2	9,78	-27	-42
KH dưới 12 tháng	102,4	72,11	190,8	84,8	253	81,09	233,8	66,4	86,32	32,6	-8
KH trên 12 tháng	17,1	12,04	9,5	4,22	41,2	13,2	107,8	30,6	-44	333	162
Tổng	142	100	225	100	312	100	352	100	58,45	38,67	13

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 - 2013)

Qua số liệu bảng 2.1 ta thấy, công tác huy động vốn đã được chi nhánh quan tâm và đạt được kết quả khả quan, số dư vốn huy động tăng đều qua các năm, số dư vốn huy động cuối năm 2011 là: 225 tỷ tăng 58,54% so năm 2010.

b. Tình hình cho vay

Bảng 2.2: Tình hình cho vay tại chi nhánh qua các năm 2010-2013

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	2010		2011		2012		2013		Chênh lệch					
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	2011/2010		2012/2011		2013/2012	
									Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Tổng dư nợ	128	100	213	100	195	100	239	100	85	66,4	-18	-8,5	44	23
Theo đối tượng khách hàng														
Cá nhân	39	30,5	64	30,2	38	19,5	62	26	25	64,1	-26	-40,6	24	63
Hộ gia đình	36	28,1	67	31,6	111	56,9	143	60	31	86,1	44	65,7	32	29
Doanh nghiệp	53	41,4	81	38,2	46	23,6	34	14	28	52,8	-35	-43,2	-12	-26
Theo thời gian														
Ngắn hạn	80	62,5	114	53,5	108	55,3	149	62	34	42,5	-6	-5,2	41	38
Trung dài hạn	48	37,5	99	46,5	87	46,7	90	38	51	106,2	-12	-12,1	3	3
Nợ xấu	0		4,9	2,32	1,56	0,8	0,1	0,04			-3,34	-68,1	-1,46	-94

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 - 2013)

Trong giai đoạn năm 2010 - 2013 tăng trưởng dư nợ cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.3: Dư nợ cho vay hộ sản xuất kinh doanh

DVT: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng dư nợ	128	213	195	239
Dư nợ HSXKD	36	67	111	143
% dư nợ HSXKD	28,1	31,6	56,9	60

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 - 2013)

Qua bảng 2.3 trên cho ta thấy dư nợ cho vay hộ sản xuất kinh doanh của chi nhánh có sự tăng trưởng, năm 2012, 2013 chiếm hơn 50%. Dư nợ cho vay hộ tăng trưởng ổn định qua các năm. Do chính sách chung của NHNN, hạn chế cho vay tiêu dùng và doanh nghiệp nên chi nhánh tập trung phát triển đối tượng là khách hàng hộ sản xuất kinh doanh bao gồm

có đăng ký kinh doanh và không có đăng ký kinh doanh.

c. Kết quả tài chính

Bảng 2.5: Kết quả hoạt động kinh doanh tại chi nhánh các năm

Đơn vị tính: triệu đồng, %

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012	2013	Chênh lệch					
	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	2011/2010		2012/2011		2013/2012	
					Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Thu nhập	23,456	46,768	41,648	54,24	23,312	99,39	-5,120	-10,95	12,59	30
Chi phí	24,956	45,500	39,762	51,854	20,544	82,32	-5,738	-12,61	12	30
Lợi nhuận	(1,500)	1,268	1,886	2,386	2,768	184,53	618	48,74	0,5	27

Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động cho đến nay, cũng có những lúc chi nhánh gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nhìn chung kết quả kinh doanh của các năm đã đạt hiệu quả. Đạt được những thành quả này là nhờ sự nỗ lực và nghiêm túc làm việc của tập thể nhân viên Chi nhánh và đặc biệt là sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của lãnh đạo ngân hàng về việc đôn đốc chỉ đạo trong công việc.

2.2. THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Những biện pháp NHTMCP Đông Nam Á chi nhánh Đắc Lắc đã thực hiện nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh

- a. Tổ chức bộ máy quản lý tín dụng*
- b. Chính sách tín dụng*
- c. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát nội bộ*
- d. Thực hiện kiểm tra giám sát quá trình vay vốn của hộ*
- e. Thực hiện bảo đảm tiền vay*
- f. Phân loại nợ và trích lập dự phòng*

g. Xử lý rủi ro tín dụng

2.2.2. Những kết quả hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á chi nhánh Đắk Lắk

a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Tỷ lệ nợ xấu đối với khách hàng hộ sản xuất kinh doanh năm 2011 tăng 1,85% so với năm 2010 nhưng đến năm 2012 giảm 1,05% so với năm 2011, năm 2013 giảm 91% so với năm 2012. Các tỷ lệ nợ xấu này đều nằm trong mức an toàn cho phép của NHNN.

Mặc dù Chi nhánh đã rất quan tâm đến công tác thu hồi nợ xấu, phân công thành viên ban lãnh đạo, chỉ đạo sát sao công tác thu hồi nợ nhóm 2, nợ xấu vào những thời điểm nhạy cảm. Tuy vậy, tình hình nợ xấu vẫn gia tăng mạnh trong năm 2011, đến năm 2013 nợ xấu giảm trên bảng cân đối là do Chi nhánh đã có những biện pháp tích cực để xử lý nợ.

b. Biến động cơ cấu nhóm nợ

Tỷ trọng nợ đủ tiêu chuẩn đều chiếm khoảng 98%, chứng tỏ Chi nhánh đã có nhiều nỗ lực trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng.

Tuy nhiên, tỷ trọng nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 lại có xu hướng gia tăng trong năm 2011 (tăng 1,85%) so với năm 2010, nhưng đến năm 2012 tỷ trọng này giảm 0,8% so với năm 2012, năm 2013 không còn nợ nhóm 4,5 chỉ dừng lại ở nợ nhóm 3 với tỷ trọng rất thấp.

c. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng

tỷ lệ trích lập dự phòng năm 2011 tăng so với năm 2010, đến năm 2012 mức trích lập dự phòng giảm so với năm 2011 giảm 9,38%, năm 2013 trích lập dự phòng giảm 12% so với năm 2012, điều này phù hợp với các số liệu về tỷ lệ các nhóm nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 và tỷ lệ nợ xấu trong bảng. Năm 2013 tỷ trích lập dự phòng rủi ro giảm hơn so

với năm 2012 là do đa số các khoản nợ xấu đã được xử lý thu hồi nên làm giảm đáng kể số tiền trích lập dự phòng rủi ro.

2.2.3. Đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đắk Lắk

a. Kết quả đạt được

Tỷ lệ nợ quá hạn của hộ đã giảm dần qua các năm và luôn được duy trì ở mức thấp.

Hệ thống các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ mà SeABank Đắk Lắk đã triển khai và thực hiện đã phát huy được hiệu quả rõ rệt.

Chi nhánh đã thực hiện tốt công tác sàng lọc, đánh giá và lựa chọn khách hàng từ nhiều kênh thông tin.

b. Những vấn đề còn tồn tại

Chính sách tín dụng còn nhiều điểm chưa rõ ràng, mới chỉ quan tâm đến chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng hàng năm mà chưa quan tâm đến cơ cấu cho vay, cho vay ngành nào, lĩnh vực nào,....

Cho vay dựa quá nhiều vào tài sản đảm bảo, nhưng việc kiểm tra định kỳ tài sản đảm bảo vẫn chưa được thực hiện đúng theo quy định dẫn đến khách hàng vỡ nợ mà ngân hàng vẫn chưa xử lý được tài sản để thu hồi nợ;

Chất lượng thẩm định chưa cao, việc thẩm định phương án kinh doanh chưa đạt chất lượng.

Công tác giám sát sau cho vay chưa thực sự hiệu quả.

Các báo cáo kiểm tra sau cho vay đều cho thấy khách hàng đang sản xuất kinh doanh tốt, tình hình tài chính tốt, dùng đúng mục đích vay vốn, nhưng khi phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu thì trên thực tế khách hàng tình hình khách hàng đã không đúng như các biên bản kiểm

tra định kỳ trong thời gian dài;

SeABank Đăk Lăk chưa xác định rõ trách nhiệm của các chuyên viên quản lý khách hàng trong việc phòng ngừa, quản lý rủi ro tín dụng cũng chưa xác định rõ trách nhiệm của các chuyên viên để xảy ra tổn thất và xây dựng chế tài xử lý đối với các chuyên viên sai phạm;

Bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ chưa phát huy hết vai trò.

Công tác phát hiện, theo dõi và xử lý nợ có vấn đề còn hạn chế

Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào như: phân bón, thuốc trừ sâu, cây giống, ... tăng mạnh, nên những năm qua dù được mùa nhưng lợi nhuận mang lại cũng vẫn không cao;

Khi vay vốn ngân hàng xong khách hàng không dùng vào mục đích sản xuất kinh doanh mà dùng vào mục đích khác;

c. Nguyên nhân của những tồn tại

**** Nhân tố bên trong***

Chính sách tín dụng chưa phù hợp với từng đối tượng

Tại chi nhánh chưa có bộ phận thẩm định chuyên trách độc lập để đảm bảo tính khách quan.

Ngân hàng ỷ lại vào tài sản đảm bảo

Kiểm tra, giám sát vốn vay sau giải ngân thực sự chưa thực hiện nghiêm túc

Thông tin tín dụng chưa đầy đủ

Trình độ của chuyên viên quan hệ khách hàng còn nhiều hạn chế

Do quá trình thẩm định vốn vay đối với hộ sản xuất kinh doanh rất phức tạp, liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, nguyên vật liệu

Kiến thức về xã hội, về thị trường của chuyên viên tín dụng còn hạn chế gây ra rủi ro

Do thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc có những quan hệ cá nhân

mà một số chuyên viên tín dụng đã thông đồng với khách hàng, cố tình hiểu sai, làm sai quy trình tín dụng để vụ lợi cá nhân.

Kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa phát huy hết vai trò

*** Nhân tố bên ngoài**

Nguyên nhân từ môi trường kinh doanh bên ngoài được xem là nhóm rủi ro khách quan, gây rủi ro cho hoạt động tín dụng của SeABank nói chung và SeABank Đắk Lắk nói riêng:

- + Nền kinh tế có nhiều chuyển biến phức tạp
- + Do chính sách điều hành kinh tế vĩ mô thay đổi đột ngột, cả ngân hàng và khách hàng không thể chủ động thay đổi kịp thời để thích ứng.

Môi trường pháp lý không thuận lợi:

Hệ thống pháp luật được ban hành chưa phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế.

Quy chế thế chấp, cầm cố, bảo lãnh tài sản vốn vay là một công cụ để đảm bảo tín dụng cho ngân hàng, những quá trình thực hiện còn phức tạp, đặc biệt khi xử lý tài sản.

Nguyên nhân từ phía khách hàng:

- + Sự tiếp thu khoa học công nghệ trong nuôi trồng còn yếu kém.
- + Do hiểu biết về thị trường quá ít, rất cơ bản của hộ nông dân trong cơ chế thị trường hiện nay.
- + Do năng lực tài chính của khách hàng yếu kém
- + Tình trạng hùn hạp trong sản xuất kinh doanh, mượn giấy tờ, vay ké trong các hộ vẫn diễn ra làm cho việc giải quyết nợ quá hạn gặp khó khăn;
- + Do sử dụng sai mục đích

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á – CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

3.1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á CHI NHÁNH ĐẮK LẮK TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1.1. Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Đắk Lắk trong giai đoạn tới

Tăng trưởng kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững, hiện đại nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch do Hội sở giao.

Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị, điều hành, đồng thời tập trung đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngân hàng.

Tăng cường công tác huy động vốn, tiếp tục tiếp thị để khai thác các nguồn tiền gửi của các tổ chức kinh tế xã hội và nguồn vốn dân cư.

Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ theo đặc trưng vùng miền, nhằm tăng trưởng nguồn thu dịch vụ ngoài tín dụng

Tăng tỷ lệ bán chéo sản phẩm để tăng nhanh thu nhập về dịch vụ

Đa dạng hóa cơ cấu tín dụng theo ngành nghề, lĩnh vực và đối tượng khách hàng. Đảm bảo tăng trưởng về quy mô gắn với chất lượng tín dụng.

Nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của nhân viên.

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại với độ an toàn và chính xác cao.

Về định hướng hoạt động tín dụng

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, từng bước nâng cao tỷ trọng cho vay ngắn hạn.

Bám sát tình hình hoạt động của khách hàng để kiểm soát các khoản vay được tốt hơn nhằm hạn chế phát sinh nợ xấu.

Đa dạng hóa sản phẩm tín dụng để phù hợp với từng đối tượng khách hàng nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu hoạt động tín dụng.

Về các định hướng lớn trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng:

Tiếp tục thực hiện các biện pháp có tính chất tình thế trong giai đoạn hiện nay.

Tăng cường công tác quản lý khách hàng, quản lý tốt những khách hàng truyền thống hiện có tại Chi nhánh, chú trọng tìm kiếm cho vay các khách hàng mới có tình hình tài chính lành mạnh, an toàn.

Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng có cơ sở khoa học, thực tiễn và có tính hệ thống nhằm gia tăng khả năng kiểm soát, phòng ngừa rủi ro tín dụng.

Chú trọng đến công tác đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng về chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và ý thức phòng ngừa rủi ro.

3.1.2. Mục tiêu hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Đắk Lắk

Với những kết quả đạt được trong giai đoạn năm 2010 – 2013 với phân khúc hộ sản xuất kinh doanh, chi nhánh đã đặt ra mục tiêu trong thời gian tiếp theo sẽ thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ trong phân khúc này, cố gắng duy trì mức tỷ trọng dư nợ hộ sản xuất kinh doanh nằm ở mức 70% trong tổng dư nợ. Bên cạnh sự tăng trưởng phải đi kèm với việc kiểm soát sự rủi ro, tín dụng an toàn.

Tăng trưởng dư nợ dựa trên các khách hàng truyền thống có phương án kinh doanh hiệu quả, công tác thẩm định phải thực sự trong sạch, hiệu quả.

Tập trung toàn bộ nguồn lực của chi nhánh trong việc thu hồi

các khoản nợ xấu, thanh lý tài sản đảm bảo để giảm bớt tổn thất tín dụng cho chi nhánh.

3.2. GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

3.2.1. Xây dựng chính sách tín dụng phù hợp đối với hộ sản xuất kinh doanh

Về định hướng chính sách khách hàng:

Cần tập trung cho vay đối với các hộ có tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Đối với các hộ có tình hình kinh doanh kém, nợ quá hạn kéo dài, cần phải có biện pháp thu hồi nợ quá hạn.

Đối với những khoản vay mới cần xem xét trên cơ sở có hiệu quả, có khả năng trả nợ, và đáp ứng đủ điều kiện tín dụng theo quy định.

Đối với địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ngành chủ chốt vẫn là phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày: cà phê, cao su, hồ tiêu,..., việc mở rộng cho vay sẽ vẫn tập trung vào các hộ chăm sóc các loại cây trồng này.

Về giới hạn cho vay:

Quy định mức giới hạn cho vay đối với hộ sản xuất kinh doanh trong tổng dư nợ của Chi nhánh nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay do tập trung vốn vào một lĩnh vực.

Phát triển dư nợ tín dụng trong lĩnh vực cho vay hộ sản xuất kinh doanh đạt 60% dư nợ cho vay của SeABank Đắk Lắk.

Về điều kiện vay vốn:

Đối với từng phương án kinh doanh cần yêu cầu tỷ lệ vốn tự có chiếm 30% tổng vốn đầu tư.

Chi nhánh chỉ cho vay đối với hộ có nguồn thu chắc chắn. Hộ vay vốn phải có phương án kinh doanh được Chi nhánh đánh giá khả thi, có hiệu quả và có khả năng trả nợ.

3.2.2. Thực hiện quy trình tín dụng chặt chẽ và khoa học

Mọi khoản vay phải thực hiện đúng quy trình, nghiệp vụ, tiến hành thẩm định, kiểm tra xác định đúng tư cách pháp nhân của người vay, tính khả thi của phương án kinh doanh và giá trị của tài sản thế chấp, cầm cố thuộc sở hữu của họ, tránh tình trạng vay vốn kinh doanh lòng vòng, sử dụng vốn sai mục đích. Việc quản lý giải ngân cho vay cần phải được thực hiện theo từng phương án vay.

Kiểm tra trước khi cho vay: thực hiện phân tích khả năng thanh toán của hộ đầu tư, kiểm tra nguồn vốn tự có.

Kiểm tra trong khi cho vay: kiểm tra, bổ sung hóa đơn chứng từ, đảm bảo cho vay đúng mục đích và đúng nhu cầu của khách hàng.

Kiểm tra sau khi cho vay: kiểm tra việc sử dụng vốn vay có đúng mục đích vay vốn không, theo dõi quá trình sản xuất, kinh doanh của hộ.

Chuyên viên quan hệ khách hàng cần tăng cường kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của hộ, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất để đánh giá tình hình sử dụng vốn vay. Nếu phát hiện sai phạm trong quá trình sử dụng vốn cần có biện pháp phù hợp tránh phát sinh rủi ro cho chi nhánh.

3.2.3. Nâng cao chất lượng thẩm định trong cho vay

Chất lượng phân tích thẩm định khách hàng vay vốn cũng như thẩm định phương án vay vốn là khâu rất quan trọng trong quá trình cho vay, giúp cho ngân hàng đưa ra quyết định phù hợp và đúng đắn trong việc lựa chọn khách hàng vay vốn tại Ngân hàng, góp phần ngăn chặn những khoản vay tiềm ẩn rủi ro.

Chuyên viên thực hiện công tác phân tích, thẩm định rủi ro phải có kỹ năng, trình độ cũng như kinh nghiệm cao hơn trong công tác phân tích thẩm định khách hàng cũng như phương án vay vốn.

Chuyên viên quan hệ khách hàng phải thực hiện thẩm định nhanh, đúng thời hạn nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đúng quy trình tín dụng chung.

3.2.4. Tăng cường phân tán rủi ro tín dụng

Đa dạng hóa các hình thức tín dụng để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng cũng như những tiến bộ nhanh chóng của kỹ thuật và công nghệ ngân hàng. Các biện pháp cụ thể để thực hiện đa dạng hóa các hình thức tín dụng:

+ Một là, nắm vững nhu cầu của thị trường

+ Hai là, quản lý chặt chẽ các khoản vay

Đa dạng hóa đối tượng đầu tư:

Chia nguồn tiền của mình vào nhiều khoản đầu tư, vào nhiều loại khách hàng khác nhau. Để thực hiện những điều này cần quán triệt các vấn đề sau:

Cho vay nhiều đối tượng thuộc các loại hình sản xuất kinh doanh khác nhau, không nên tập trung quá nhiều để sản xuất kinh doanh một thành phẩm, một sản phẩm.

Không đầu tư một số tiền lớn vào một khách hàng mà phải san ra cho nhiều khách hàng trong cùng ngành sản xuất đó.

3.2.5. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các khoản vay hộ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh

Xem xét khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích hay không.

Kiểm soát mức độ rủi ro trong cho vay hộ phát sinh trong quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng.

Theo dõi thực hiện các điều khoản điều khoản cụ thể đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, kịp thời phát hiện những vi phạm để có biện pháp xử lý thích hợp.

Ban lãnh đạo chi nhánh cần quán triệt việc kiểm tra sau cho vay phải thực hiện thật nghiêm túc, cần đưa ra chế tài xử phạt đối với trường hợp chuyên viên tín dụng thực hiện đối phó đưa ra những biên bản kiểm tra sử dụng vốn không đúng thực tế không dự báo được nợ quá hạn, nợ xấu gây rủi ro cho ngân hàng.

3.2.6. Quản lý tốt danh mục tài sản đảm bảo

Hoàn thiện hồ sơ thế chấp, hồ sơ pháp lý.

Nguồn tham khảo thông tin về giá trị, định giá phải thật chính xác, an toàn, đảm bảo tính khách quan.

Quản lý trình trạng tài sản đảm bảo, thường xuyên kiểm tra, đánh giá lại tài sản.

Xem xét các điều kiện an toàn để yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm tài sản.

3.2.7. Phát hiện xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ xấu

Chi nhánh cần phân tích rõ nguyên nhân nợ quá hạn, nợ xấu theo từng tiêu chí chủ quan, khách quan, phân loại nợ quá hạn có khả năng thu hồi, nợ quá hạn không có khả năng thu hồi một phần, nợ quá hạn có khả năng mất trắng.

Ngăn ngừa các khoản vay dẫn tới nợ quá hạn.

Biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn của ngân hàng:

Đối với những khách hàng vay có thái độ thành khẩn, hợp tác, ngân hàng có thể cho vay tiếp vốn để gia tăng sức mạnh tài chính của khách hàng, khôi phục lại sản xuất kinh doanh nếu xét thấy có hiệu quả thực sự và có khả năng trả nợ chắc chắn.

Ngân hàng đề nghị người vay bán bớt tài sản có giá trị, thanh lý bớt tài sản không sử dụng để trả nợ ngân hàng.

Nợ xấu do nguyên nhân chủ quan của nhân viên ngân hàng thì ngân hàng cần xử lý kiên quyết theo mức kỷ luật hành chính và bồi thường vật chất theo quy định của ngành.

Biện pháp xử lý tài sản thế chấp: Biện pháp thanh lý được thực hiện khi người vay không có thiện trí trả nợ, có hành động lẩn trốn, lừa đảo, không có khả năng trả nợ và không hợp tác với ngân hàng. Ngân hàng lập hồ sơ khởi kiện qua Tòa án để xử lý theo quy định của pháp luật. Khi bản án có hiệu lực ngân hàng làm việc với cơ quan Thi hành

án dân sự thực hiện kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp theo pháp luật hiện hành để thu hồi nợ.

3.2.8. Kết hợp giữa tín dụng và bảo hiểm tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ nhiều nguyên nhân rất đa dạng, vì vậy khi thực hiện xét duyệt hạn mức tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chuyên viên tín dụng cần bổ sung điều kiện cần phải mua bảo hiểm, ngoài việc mua bảo hiểm đối với tài sản thế chấp, chi nhánh nên đề nghị bên bảo đảm mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn.

3.2.9. Nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên và hạn chế rủi ro đạo đức

Tăng cường công tác đào tạo nhân viên làm công tác tín dụng nhằm tạo ra một đội ngũ lao động trình độ nghiệp vụ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực.

Cần xây dựng và thực hiện tiêu chuẩn hóa chuyên viên tín dụng theo tiêu chuẩn

Thường xuyên tổ chức đào tạo và đào tạo lại các kiến thức chung và kiến thức cơ bản của ngành

Tổ chức các lớp học ngắn hạn nhằm trang bị cho chuyên viên tín dụng những kỹ năng mềm.

Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức để cán bộ nhận thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân.

Cần có chính sách hợp lý như tuyển dụng những người có kinh nghiệm từ ngân hàng khác, tuyển những nhân viên có trình độ đại học đã từng có kinh nghiệm trong các lĩnh vực.

Áp dụng chế độ giao khoán công việc cho chuyên viên tín dụng.

Thực hiện đổi địa bàn tín dụng hàng năm.

Tổ chức thi cán bộ giỏi.

Yêu cầu mỗi nhân viên phải luôn tự giác tu dưỡng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của mình, phải có ý thức trách nhiệm trong công việc.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

3.3.3. Kiến nghị với các cấp, ngành liên quan

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Mặc dù trong điều kiện phải đương đầu và chịu sự cạnh tranh gay gắt của các ngân hàng thương mại trên địa bàn, nhưng SeABank vẫn luôn khẳng định được vị trí của mình qua kết quả hoạt động kinh doanh và uy tín trên thị trường. Việc mở rộng cho vay luôn đi kèm với những rủi ro, chi nhánh đang cố gắng tích cực để hạn chế rủi ro tín dụng giảm tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn. Đề tài luận văn ***“Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Đắk Lắk”*** được chọn nghiên cứu để giải quyết một trong những vấn đề quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Từ những nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã hoàn thành được những nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu cơ sở lý thuyết về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại ngân hàng thương mại;

- Phân tích, đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – chi nhánh Đắk Lắk. Qua đó, tìm hiểu những mặt được và hạn chế cũng như nguyên nhân của hạn chế trong việc hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh;

- Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn đó, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – chi nhánh Đắk Lắk nhằm tăng lợi nhuận ngân hàng với phương châm “Phát triển tín dụng an toàn, hiệu quả và bền vững” trong thời gian tới.